

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HS-ST
Ngày 15-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh;
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Ông Lê Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 136/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Đức A - sinh năm 2000 tại T; Nơi cư trú: SN 34/95 Đội Cung, phường Đ, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức K và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ con

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/4/2021 đến ngày 21/4/2021 chuyển tạm giam. Ngày 19/5/2021 hủy bỏ biện pháp tạm giam, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Lê Thị Thu H -sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 73B Lê Hoàn, phường B, TP. T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00' ngày 01/4/2021, Lê Đức A đang ở tại số nhà 73B Lê Hoàn, phường B, TP. T thì quan sát thấy phòng ngủ tầng 3 số nhà 73A Lê Hoàn, phường B của chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1975 cửa sổ đang mở, không có người trông coi. Biết sơ hở Đức A đã nảy sinh mục đích chiếm đoạt, do đó Đức A đã leo

qua ban công và vào phòng ngủ tầng 3 của số nhà 73A Lê Hoàn. Sau khi lục soát Đức A đã lấy đi những tài sản sau: 01 điện thoại Iphone X màu trắng; 01 laptop Vaio màu đen; 01 đôi hoa tai; 01 dây chuyền; 01 lắc tay; 03 chiếc nhẫn; 03 mặt dây chuyền và số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Đến 21 giờ cùng ngày, Đức A đến cửa hàng vàng bạc bán cho chị Lê Thị L, sinh năm 1982 ở số nhà 229 đường D, phường L, thành phố T 01 dây chuyền, 02 mặt dây chuyền, 02 nhẫn đeo tay lấy 19.960.000đ (mười chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Chị L thừa nhận mua số vàng trên của Đức A và tái chế bán cho khách qua đường, nhưng không nhớ là ai nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Sau vài hôm Lê Đức A lại mang tiếp số tài sản đã trộm cắp là 01 lắc tay, 01 chiếc nhẫn và 01 mặt dây chuyền bán cho một tiệm vàng ở thành phố H Nội được 17.800.000đ (Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Do Đức A không nhớ địa chỉ cửa hàng bán nên Cơ quan điều tra cũng không thu giữ được. Ngoài ra Đức A còn vứt bỏ một số đá đính kèm trên các bộ trang sức của chị H rải rác dọc đường khi về nhà nhưng không nhớ vị trí nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tất cả số tiền trộm cắp được và tiền bán trang sức, Đức A sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Chiếc điện thoại Iphone X, Đức A nhờ bạn là Đỗ Trọng T, sinh năm 2000, trú tại khu phố N, huyện S, tỉnh T sửa chữa lại để lại sử dụng.

Sau khi có kết quả giám định vân tay đến ngày 12/4/2021 Lê Đức A đến Cơ quan điều tra công an thành phố T đầu thú hành vi phạm tội của mình.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Đức A tại số nhà 34/95 Đội Cung, phường Đ, thành phố T cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ: 01 (một) đôi hoa tai bằng kim loại màu vàng.

Ngày 17/4/2021 bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của Đức A giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 (một) máy tính xách tay SONY Vaio PCG-3G5L màu đen.

Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐGTS ngày 19/4/2021, của Hội đồng định giá tài sản UBND TP.T kết luận: 01 điện thoại Iphone X 256GB màu trắng giá trị 6.000.000đ (sáu triệu đồng); 01 máy tính xách tay SONY Vaio PCG-3G5L giá trị 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Tổng trị giá: 6.200.000đ (sáu triệu hai trăm nghìn đồng)

Ngày 19/4/2021 Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân TP.T đã có Công văn số 02/2021/CV-HĐĐGTS về việc đề nghị bổ sung hồ sơ làm cơ sở định giá tài sản đối với tài sản bị mất. Cơ quan điều tra đã thông báo nhưng bị hại chị Lê Thị Thu H không cung cấp tài liệu chứng minh nguồn gốc, chủng loại nên không có căn cứ định giá và xác định giá trị tài sản.

Kết luận giám định số 6306/C09-P4 ngày 13/8/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: 02 chiếc hoa tai bằng kim loại màu vàng chế tác hình nón có gắn các hạt vật liệu không màu gửi giám định có tổng khối lượng 3,45 gam (tính cả khối lượng các hạt vật liệu không màu) trong đó: phần kim loại màu vàng đều là hợp kim của đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Cu: 63,47%; Zn: 36,53%, 02 (hai) hoa tai có màu vàng do đều được phủ chất màu vàng không chứa vàng (Au) kim loại; Các hạt vật liệu không màu gắn trên hoa tai đều là thủy tinh.

Kết luận định giá tài sản số 179/KL-HĐĐGTS ngày 07/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố T kết luận: 02 chiếc hoa tai trị giá: 80.000đ (tám mươi nghìn đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Đức A chiếm đoạt trị giá 46.540.000 đồng

Tại cơ quan điều tra, Lê Đức A đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Phân dân sự: Gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục cho bị hại số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), chị Lê Thị Thu H không yêu cầu gì thêm về phân dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại Iphone X 256GB màu trắng; 01 máy tính xách tay SONY Vaio PCG-3G5L đã qua sử dụng; 02 chiếc hoa tai bằng kim loại màu vàng là tài sản do Lê Đức A trộm cắp mà có, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Lê Thị Thu H là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với Đỗ Trọng T, sinh năm 2000 ở khu phố N, thị trấn R, huyện S là người Đức A nhờ sửa điện thoại và chị Lê Thị L, sinh năm 1982 ở SN 229 đường D, phường L đã mua 01 dây chuyền, 02 mặt dây chuyền, 02 nhẫn đeo tay. Quá trình điều tra anh T và chị L không biết số tài sản trên do Lê Đức A trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý theo quy định.

Cáo trạng số 88/Ctr-VKS ngày 21/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, đã truy tố bị cáo Lê Đức A về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T, tỉnh T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Đức A từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 5 năm.

Về bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và số tiền bồi thường, không có đề nghị gì thêm về phân dân sự nên miễn xét.

Về vật chứng: Đã trả lại cho bị hại nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 20 giờ ngày 01/4/2021, Lê Đức A đã có hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, đột nhập vào tầng 3, số nhà 73A Lê Hoàn, phường B, thành phố T, tỉnh T lén lút chiếm đoạt 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng); 01 điện thoại Iphone X 256GB màu trắng; 01 máy tính xách tay SONY Vaio PCG-3G5L và một số đồ trang sức cá nhân của chị Lê Thị Thu H. Tổng tài sản Lê Đức A chiếm đoạt trị giá 46.540.000đ (bốn mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng)

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS như Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo:

Hành vi nêu trên của bị can Lê Đức A là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Do đó cần xử lý nghiêm trước pháp luật.

Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS

Do bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là đủ, tạo điều kiện để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà nghiêm túc cải sửa, trở thành công dân tốt.

[4] Về bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và số tiền bồi thường, không có đề nghị gì thêm về phần dân sự nên HĐXX không xem xét thêm về phần bồi thường dân sự đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Số trang sức mà bị cáo đã bán cho các tiệm vàng đã bị chế tác và bán cho người qua đường nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Các vật chứng còn lại được đã được trả lại cho bị hại nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Lê Đức A 30 (ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND TP. T;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Bị cáo, bị hại;
- Sở tư pháp tỉnh T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Linh